

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Quốc Hoàn;**

2. Ông **Võ Quang Truyền.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-DS, ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **N.T.L**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 2/10, ấp L.B, xã L.T.N, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Tổ 2, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn :* Ông **L.Q.K**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 2/10, ấp L.B, xã L.T.N, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh Ninh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2022, quá trình thu thập chứng cứ - nguyên đơn bà N.T.L trình bày:** Bà L và ông L.Q.K chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L.T.N, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ thời gian đầu được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mặc khác ông Khanh, không chăm lo gia đình, rượu chè, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đến nay 04 năm, không ai quan tâm đến ai, nên không còn tình cảm và cũng không thể tiếp tục sống chung. Nay bà L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: có 01 con chung tên: Lê Thị Trà My, sinh năm: 2011. Sau Khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung; Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn- ông L.Q.K vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà N.T.L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn – ông L.Q.K đã được triệu tập nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/206/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông K; về con chung: Giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết; về án phí: tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà N.T.L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông L.Q.K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L và ông K chung sống vợ chồng đã được Ủy ban nhân dân xã L.T.N, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên bà L trình bày vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mặc khác ông K, không chăm lo gia đình, rượu chè, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đến nay 04 năm, không ai quan tâm đến ai. Cho thấy, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do, điều này thể hiện ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên: Lê Thị Trà My, sinh năm: 2011. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Riêng em My cũng có nguyện vọng sống chung với bà L; đối với ông K vắng mặt không quan tâm đến việc trực tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu bà L và nguyện vọng em My là phù hợp, nên cần giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1 Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.T.L đối với ông L.Q.K. Bà N.T.L được ly hôn với ông L.Q.K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Trà My, sinh năm: 2011 cho bà L trực tiếp nuôi con, ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K được quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà N.T.L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020569, ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận bản án hay được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND TX Hoà Thành.
- CC.THADS TX Hoà Thành.
- UBND xã Trường Đông
- Các đương sự;
- Lưu tập án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kim Lành